**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**PHỤ LỤC RÀ SOÁT**

*(Kèm theo Báo cáo số:……../BC-NHNN ngày …./…../2025 của NHNN về đánh giá thực trạng*

*quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị định quy định về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vay vốn tại các ngân hàng thương mại để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn*

*môi trường, xã hội, quản trị (ESG)*

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước có liên quan đến dự thảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG** | **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO** | **ĐÁNH GIÁ** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| 1. | Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, quy định: Đẩy mạnh phát triển tín dụng xanh; Nhà nước có cơ chế hỗ trợ lãi suất và khuyến khích các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho doanh nghiệp tư nhân vay để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). | - Phạm vi điều chỉnh của dự thảo: Quy định về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vay vốn tại các ngân hàng thương mại để thực hiện các dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, dự án áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG) theo Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.  - Tại dự thảo Nghị định quy định đầy đủ các nội dung thể chế hóa chính sách hỗ trợ lãi suất: Điều kiện, nguyên tắc, thời hạn, mức hỗ trợ lãi suất, quy trình lập dự toán, thanh, quyết toán hỗ trợ lãi suất, trách nhiệm của các cơ quan liên quan | Dự thảo Nghị định đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vay tại các ngân hàng thương mại để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). |  |
| 2. | Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội: Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). (khoản 1 Điều 9) |  |

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ** | **ĐỀ XUẤT**  **XỬ LÝ** |
| 1. | Đối tượng áp dụng (Điều 2) | - Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội:  + Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). (khoản 1 Điều 9)  + Hộ kinh doanh là loại hình kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh. (khoản 2 Điều 3)  + Cá nhân kinh doanh là cá nhân có thực hiện hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh. (khoản 3 Điều 3)  - Luật Doanh nghiệp: Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. (khoản 10 Điều 4)  - Luật Các Tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân. (khoản 38 Điều 4) | Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành |  |
| 2. | Lập dự toán và thực hiện dự toán và quyết toán hỗ trợ lãi suất (Điều 5) | - Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (Chương IV. Lập dự toán ngân sách nhà nước; Chương V. Chấp hành ngân sách nhà nước; Chương VI. Kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách nhà nước) | Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành |  |
| 3. | Nguồn vốn thực hiện chính sách (Điều 6) | - Nghị quyết 198/2025/QH15 chỉ quy định: “Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG)”. Nghị quyết của Quốc hội không quy định cụ thể nguồn vốn HTLS, do vậy cơ quan soạn thảo đề xuất quy định sử dụng nguồn NSNN phù hợp với Nghị quyết 198/2025/QH15.  - Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định:  (i) Số bổ sung cân đối ngân sách là khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối ngân sách để thực hiện nhiệm vụ được giao. (Khoản 24 Điều 4 Luật NSNN)  (ii) Ngân sách địa phương được sử dụng nguồn thu được hưởng 100%, số thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên để cân đối thu, chi ngân sách cấp mình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao. (Khoản 1 Điều 42 Luật NSNN)  (iii) Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia, hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ địa phương theo quy định tại Điều 43 của Luật này. (Khoản 2 Điều 9 Luật NSNN) | Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành |  |
| 4. | Xử lý thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất (Điều 7) | Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định:…Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí. | Phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành |  |

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)** | **ĐỀ XUẤT**  **XỬ LÝ** |
| 1. | Phạm vi điều chỉnh (Điều 1) | - Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc (SDGs) – Việt Nam cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu số 7 (năng lượng sạch), số 12 (sản xuất và tiêu dùng bền vững), số 13 (hành động vì khí hậu).  - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đều có chương về thương mại và phát triển bền vững, môi trường.  - Tại COP26 (2021): Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, giảm 30% lượng phát thải methane vào năm 2030. | Tương thích với điều ước quốc tế |  |